

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ- ST
Ngày: 31 - 5- 2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Hoàng Khương

2. Bà Quách Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị Đ, sinh năm 1995; HKTT: ấp K 2A, xã T, huyện V, tỉnh K. Chỗ ở hiện nay: ấp M, xã M, huyện U, tỉnh K; có mặt

- Bị đơn: Anh D, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp K2A, xã T, huyện V, tỉnh K; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Thị Đ trình bày: Chị và anh M trên cơ sở tự nguyện yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới năm 2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Thuận, huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang. Vợ chồng chung sống đầm ấm được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, mặc dù đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Chị Đ xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời

sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó chị Đ yêu cầu được ly hôn với anh Danh M. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 người con chung tên Danh Trọng P, sinh ngày 28/12/2005, giới tính nam, hiện con chung đang sống cùng chị Đ, chị Đ yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh M cấp dưỡng. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Danh M vắng mặt trong các phiên hòa giải, phiên tòa sơ thẩm nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị Đ, căn cứ qua xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị hiện tại đã ly thân, cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Về con chung: Giao con chung tên Danh Trọng P, sinh ngày 28/12/2005 cho chị Đàm trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không yêu cầu. Anh M được quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Danh M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh M tự nguyện kết hôn vào năm 2015 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Về nguyên nhân xin ly hôn theo chị Đ trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm, không còn tình cảm, anh chị hiện đã sống ly thân. Về mâu thuẫn giữa anh chị được chính quyền địa phương xác nhận là có thật, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất hòa. Xét thấy, anh chị hiện nay đã ly thân không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị Đ.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh M có 01 người con chung tên Danh Trọng P, sinh ngày 28/12/2015, giới tính nam hiện con chung đang sống cùng chị Đ, cuộc sống được bảo đảm và cháu P cũng có nguyện vọng sống cùng chị Đ. Vì vậy, xét về

lợi ích mọi mặt và để đảm bảo cuộc sống cho cháu P nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu P cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh M có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí xin ly hôn: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002613 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Đ được ly hôn với anh Danh M.

2- Về con chung: Giao con chung tên Danh Trọng P, sinh ngày 28/12/2015, giới tính nam cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng (cháu P hiện sống cùng chị Đ, cuộc sống được đảm bảo).

Anh M có quyền tới lui chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu nên không xem xét

3- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002613 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

4- Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã Tân Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Nguyễn Thị Kiều Diễm**